TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số bản án: **69**/2019/DS-ST.
Ngày 19/6/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu.
Ông Bùi Văn Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2018/TLST-DS ngày 04/10/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXX-ST ngày 29/3/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1963. (Có mặt)
Bà Hồ Thị B, sinh năm 1962. (Có mặt)
Tên gọi khác: M.
Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
Tên gọi khác: Nguyễn Thị C.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1983.
Cùng địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh B.
Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C là: Ông Huỳnh Công Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: 39D đường 20, phường P, quận X, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn U, bà Hồ Thị B trình bày:

Vào ngày 20/01/2015 ông bà có cho vợ chồng ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, thỏa thuận sau 02 tuần sẽ

trả gốc và lãi nên ông bà chưa thỏa thuận lãi suất với vợ chồng ông C và bà H. Khi vay giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông C và bà H có làm biên nhận viết tay do chính bà H viết và ký tên. Ông bà nhiều lần yêu cầu ông C và bà H trả lại số tiền nói trên nhưng cho đến đầu năm 2018 ông C và bà H đã trả cho ông bà được 1.000.000 đồng, do đó hiện tại ông C và bà H còn nợ ông bà số tiền 199.000.000 đồng. Nay ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm buộc vợ chồng ông C và bà H có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền vay 199.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 20/01/2015 vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B có kêu bà qua lấy số tiền 200.000.000 đồng về làm ăn, bà đã nhận đủ số tiền này. Hàng tháng bà trả lãi cho ông U, bà B số tiền lãi 18.000.000 đồng, bà đã trả được 06 tháng lãi. Bà thừa nhận khi vay tiền của bà B, ông U thì bà có ký tên "Nguyễn Thị C" vào biên nhận nợ đề ngày 20/01/2015 vì bà có tên gọi khác là Nguyễn Thị C, ngoài ra bà còn ký tên thay cho ông Ngô Văn C là chồng bà. Bà vay số tiền này mục đích cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng và một phần dùng vào trang trải cuộc sống gia đình. Bà cho rằng đã trả số tiền này cho bà B và ông U sau 06 tháng vay, nhưng bà quên lấy lại giấy biên nhận nợ. Sau đó bà có yêu cầu bà B, ông U trả lại biên nhận nợ này nhưng ông bà không đồng ý trả. Nay trước yêu cầu đòi nợ của vợ chồng bà B, ông U thì bà không đồng ý, bà cho rằng đã trả hết số nợ gốc và lãi cho bà B, ông U.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B có cho vợ ông là bà Nguyễn Thị H vay hay không thì ông không biết, lúc giao tiền thì không có mặt của ông. Tiền ông U và bà B giao cho vợ ông để làm ăn và trang trải trong cuộc sống hàng ngày của gia đình, ông có hỏi bà H thì bà H nói là đã trả xong cho ông U và bà B. Nay trước yêu cầu đòi nợ của ông U và bà B thì ông không đồng ý trả, vì vợ ông là bà Nguyễn Thị H đã trả số tiền 200.000.000 đồng của hợp đồng vay ngày 20/01/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C là ông Huỳnh Công Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Đ.

[2] Nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền vay còn nợ là 199.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 20/01/2015 làm một lần, không yêu cầu tính lãi. Về phía bà H thừa nhận có vay của ông U và bà B số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 20/01/2015, lãi suất 18.000.000 đồng/tháng, bà H đã trả được 06 tháng lãi và đã trả xong số tiền nợ gốc cho bà B và ông U nhưng chưa nhận lại hợp đồng vay tiền nên trước yêu cầu đòi nợ của ông U và bà B thì bà H không đồng ý.

Xét thấy giữa vợ chồng bà B, ông U và bà H đã thống nhất với nhau về việc bà H có vay của bà B, ông U số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 20/01/2015 nhưng không thống nhất với nhau về việc số tiền vay trên đã được thanh toán hay chưa, cũng như không thống nhất với nhau về lãi suất. Hội đồng xét xử xác định có việc vay và cho vay giữa ông U, bà B và bà H số tiền vay và cho vay là 200.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 20/01/2015 và bà H đã nhận đủ số tiền này, nhưng không xác định việc có hay không có việc bà H đã trả lại cho bà B, ông U số tiền 200.000.000 đã nhận từ bà B, ông U. Đây là nghĩa vụ chứng minh của bà H, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H chỉ trình bày miệng, không có chứng cứ chứng minh rằng bà B, ông U đã nhận lại số tiền nợ gốc và lãi như theo lời trình bày của bà. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu này của bà H nên yêu cầu khởi kiện của bà B, ông U là có cơ sở để chấp nhận.

Phía bà B, ông U cho rằng vào đầu năm 2018 phía ông C, bà H có trả cho ông bà được 1.000.000 đồng tiền gốc của hợp đồng vay này. Về phía ông C, bà H cho rằng bà H đã trả xong số tiền nợ gốc cho bà B, ông U vào năm 2015 nên không có việc ông bà trả cho bà B, ông U số tiền 1.000.000 đồng của hợp đồng vay này. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy ông C, bà H không thừa nhận có trả cho bà B, ông U số tiền 1.000.000 đồng của hợp đồng vay này. Nhưng đây là việc bà B, ông U thừa nhận và về nguyên tắc có lợi cho phía ông C, bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận và trừ lại số tiền 1.000.000 đồng vào số tiền 200.000.000 đồng mà phía bà H vay của bà B, ông U trước đó chưa trả.

Bà B, ông U có yêu cầu ông Ngô Văn C là chồng của bà Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền 199.000.000 đồng mà bà H còn nợ của ông bà. Phía ông C cũng thừa nhận vợ ông có vay của ông U và bà B số tiền nói trên mục đích để làm ăn và trang trải trong cuộc sống hàng ngày của gia đình và phía bà H cũng thừa nhận việc này, nhưng vợ ông đã trả xong cho bà B và ông U, trước yêu cầu đòi nợ của bà B, ông U thì ông không đồng ý trả. Nhưng do yêu cầu của bà B, ông U được chấp nhận nên buộc ông Bình phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà B, ông U khoản tiền nợ nói trên.

Về phần lãi suất phía bà H cho rằng đã trả cho ông U, bà B 06 tháng lãi, mỗi tháng trả 18.000.000 đồng tổng số tiền lãi ông bà đã trả cho bà B, ông U là 108.000.000 đồng. Phía bà B, ông U cho rằng ông bà chưa thỏa thuận lãi suất với bà H, ông C nên chưa nhận khoản tiền lãi nào từ bà H, ông C. Hội đồng xét xử thấy

rằng việc bà H cho rằng đã trả lãi cho bà B, ông U chỉ là việc trình bày miệng không có chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C. Buộc bà H và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà B, ông U số tiền vay còn nợ là 199.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Do bà B, ông U không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay mà bà bà H, ông C còn nợ nên không phải xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông U, bà B được chấp nhận nên bà H, ông C phải chịu án phí theo quy định là 9.950.000 đồng (199.000.000 đồng x 5% = 9.950.000 đồng).

Bà B, ông U không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B, ông U số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan ông Ngô Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan ông Ngô Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B số tiền 199.000.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu đồng) theo hợp đồng vay ngày 20/01/2015.

[4] Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, khi nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan ông Ngô Văn C chưa trả số tiền như án tuyên, thì ngoài việc phải trả còn phải chịu thêm phần lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành xong.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền 9.950.000 đồng (Chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B được chấp nhận toàn bộ nên ông U, bà B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn U và bà Hồ Thị B đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số: 0019928 ngày 04/10/2018 và 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000110 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Minh Tâm